

Số: 2 /2024/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý, sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa
để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ Quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 10/TTr-SNN ngày 10 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định quản lý, khai thác, sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng cơ quan: Các Sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương, Nam Sông Thương; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, đơn vị, TT thuộc VP;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

QUY ĐỊNH**Quản lý, sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa
để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

(Kèm theo Quyết định số 2 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc và các nội dung về quản lý, sử dụng diện tích mặt nước đối với hồ chứa có dung tích chứa toàn bộ từ 300.000 m³ (ba trăm nghìn mét khối) trở lên tại Phụ lục I và hồ chứa có dung tích chứa toàn bộ từ 300.000 m³ trở lên cấm nuôi trồng thủy sản tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được thuê sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng diện tích mặt nước hồ

1. Bảo đảm giữ nguyên trạng diện tích mặt nước hồ chứa, không làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ chính của hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thiết kế khi xây dựng, bảo đảm an toàn cho hồ chứa.
2. Bảo đảm quyền, lợi ích của nhà nước, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ chứa.
3. Quản lý, sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Chương II**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 4. Chấp thuận phương án và giấy phép sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm tra phương án sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa đối với hồ chứa có dung tích từ 500.000 m³ trở lên do các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi (Công ty TNHH MTV KTCTTL) quản lý;
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chấp thuận phương án sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa do Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố quản lý;

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép cho hoạt động sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 5. Hồ chứa chưa có tổ chức, cá nhân thuê hoặc hết thời hạn hợp đồng thuê sử dụng diện tích mặt nước

1. Các Công ty TNHH MTV KTCTTL và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao quản lý hồ chứa, thông báo rộng rãi việc cho thuê sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bắc Giang.

2. Trường hợp có từ 02 phương án trở lên phù hợp với các quy định hiện hành thì Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận các phương án phù hợp của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đối với hồ chứa do các Công ty TNHH MTV KTCTTL quản lý, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chấp thuận các phương án phù hợp của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đối với hồ chứa do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý. Các Công ty TNHH MTV KTCTTL và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức đấu giá lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa theo quy định.

Điều 6. Thời hạn hợp đồng và mức thu tiền sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa

1. Thời hạn hợp đồng cho thuê diện tích mặt nước hồ chứa theo phương án sản xuất kinh doanh và chu kỳ sản xuất không quá 05 năm (60 tháng) cho một lần hợp đồng.

2. Mức thu tiền sử dụng nước và đơn giá thuê diện tích mặt nước

Mức thu tiền sử dụng nước áp dụng theo quy định tại Quyết định số 150/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 639/2013/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Sửa đổi khoản 1, Điều 1 Quyết định số 150/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Sản lượng cá: Đối với hồ chứa có diện tích mặt nước nhỏ hơn 50 (năm mươi) ha, giá trị sản lượng áp dụng 0,2 tấn/ha/năm; đối với hồ chứa có diện tích mặt nước từ 50 (năm mươi) ha trở lên, giá trị sản lượng áp dụng 0,15 tấn/ha/năm.

Đơn giá: Áp dụng đơn giá bình quân năm theo giá thị trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Đối với các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ kê khai hiện trạng và tình hình sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa theo quy định.

b) Tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Công ty TNHH MTV KTCTTL và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này và tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hàng năm, thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất việc quản lý, sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa theo quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản về trình tự, hồ sơ chấp thuận sử dụng diện tích mặt nước; thực hiện các quy định về quản lý tài nguyên nước, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản theo Quy định này.

3. Sở Tài chính

Thẩm định bằng văn bản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đơn giá cho thuê diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản theo Quy định này.

Điều 8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về diện tích mặt nước hồ trên địa bàn theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xác định mục nước thiết kế của hồ chứa, phân giới cắm mốc khu vực lòng hồ, phạm vi mặt nước hồ; phối hợp với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được thuê sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa lập phương án trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chấp thuận.

3. Tuyên truyền, phổ biến Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn để tổ chức thực hiện.

4. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện việc kê khai hiện trạng và tình hình sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn theo phân cấp và gửi báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Các Công ty TNHH MTV KTCTTL

1. Quản lý và sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy định này.

2. Xác định mực nước thiết kế của hồ chứa, phân giới cắm mốc khu vực lòng hồ, phạm vi mặt nước hồ chứa.

3. Hướng dẫn và tư vấn về chuyên môn quản lý, khai thác và phân phối nước cho các xã, phường, thị trấn, tổ chức hợp tác dùng nước để nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa, phòng tránh, giảm thiểu ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước trong hồ chứa.

4. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các Công ty TNHH MTV KTCTTL tổ chức thực hiện việc kê khai hiện trạng và tình hình sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn được giao quản lý, sử dụng và gửi báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được thuê sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa

1. Sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước hồ chứa, bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống, suy giảm, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

2. Phối hợp với cơ quan, đơn vị quản lý hồ chứa thực hiện tốt phương án ứng phó với thiên tai, ứng phó với tình huống khẩn cấp, bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa bão; sử dụng và bảo vệ diện tích mặt nước hồ chứa được giao theo Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng được ký kết với cơ quan, đơn vị được giao quản lý hồ chứa.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Xử lý chuyển tiếp

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã được cấp giấy phép, ký hợp đồng sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản trước ngày Quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo thời gian, mức thu tiền và đơn giá thuê sử dụng diện tích mặt nước theo hợp đồng đã ký; trường hợp các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã hoàn thiện các thủ tục và đang chờ được cơ quan có thẩm quyền xem xét về đơn giá thuê sử dụng diện tích mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản thì thực hiện theo Quy định này kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Phụ lục I

DANH MỤC HỒ CÓ DUNG TÍCH CHỨA TỪ 300.000 m³ TRỞ LÊN

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ (Triệu m ³)	Nhiệm vụ công trình		
				Ftưới (ha)	Cung cấp nước	Phát điện (MW)
1	2	3	4	5	6	7
A	Các Công ty TNHH MTV KTCTTL quản lý: 39 hồ					
I	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Sông Thương					
1	Hồ Suối Cây	Xã Đông Hưu - huyện Yên Thế	5,2	700	Cấp nước tưới	
2	Hồ Cầu Rễ	Xã Tiến Thắng - huyện Yên Thế	5,4	350	Cấp nước tưới	
3	Hồ Ngạc Hai	Xã Xuân Lương - huyện Yên Thế	1,8	700	Cấp nước tưới	
4	Hồ Chùa Sùng	Xã Canh Nậu - huyện Yên Thế	1,146	130	Cấp nước tưới	
5	Hồ Cầu Cháy	Xã Hồng Kỳ - huyện Yên Thế	0,82	120	Cấp nước tưới	
6	Hồ Cầu Cài	Xã Đông Sơn - huyện Yên Thế	0,79	88	Cấp nước tưới	
7	Hồ Suối Ven	Xã Xuân Lương - huyện Yên Thế	0,8	130	Cấp nước tưới	
8	Hồ Chông Chênh	Xã Đông Vương - huyện Yên Thế	0,635	80	Cấp nước tưới	
9	Hồ Hồng Lĩnh	Xã An Thượng - huyện Yên Thế	0,543	100	Cấp nước tưới	
10	Hồ Quỳnh	xã Canh Nậu, huyện Yên Thế	4,70	2.806	Cấp nước tưới	
11	Hồ Đá Ong	Xã Tiến Thắng - huyện Yên thế	6,71	2.000	Cấp nước tưới	
II	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương					
1	Hồ Hồ Cao	Xã Hương sơn - huyện Lạng Giang	1,735	210	Cấp nước tưới	
2	Hồ Suối Nứa	Xã Đông Hưng - huyện Lục Nam	6,277	1.070	Cấp nước tưới	

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ (Triệu m ³)	Nhiệm vụ công trình		
				Ftưới (ha)	Cung cấp nước	Phát điện (MW)
3	Hồ Chùa Ông	Xã Đông Phú - huyện Lục Nam	0,3	185	Cấp nước tưới	
4	Hồ Ba Bãi	Xã Bảo Sơn - huyện Lục Nam	0,365	160	Cấp nước tưới	
5	Hồ Cửa Cốc	Xã Huyền Sơn - huyện Lục Nam	1,15	145	Cấp nước tưới	
6	Hồ Khe Ráy	Xã Nghĩa Phương - huyện Lục Nam	0,491	190	Cấp nước tưới	
7	Hồ Khoanh Song	Xã Vô Tranh - huyện Lục Nam	0,3	170	Cấp nước tưới	
8	Hồ Khe Cát	Xã Trường Sơn - huyện Lục Nam	0,348	175	Cấp nước tưới	
9	Hồ Đá Cốc	Xã Nghĩa Phương - huyện Lục Nam	0,3	145	Cấp nước tưới	
10	Hồ Cây Đa	Xã Đông phú - huyện Lục Nam	2,55	400	Cấp nước tưới	
11	Hồ Va Khê	Xã Đông Phú - huyện Lục Nam	0,93	125	Cấp nước tưới	
12	Hồ Khuôn Thần	Xã Kiên Lao - huyện Lục Ngạn	16,100	762	Cấp nước tưới	
13	Hồ Làng Thum	Xã Quý Sơn - huyện Lục Ngạn	8,16	1,645	Cấp nước tưới	
14	Hồ Đá Mài	Xã Hồng Giang - huyện Lục Ngạn	1,46	580	Cấp nước tưới	
15	Hồ Trại Muối	Xã Giáp Sơn - huyện Lục Ngạn	1,761	500	Cấp nước tưới	
16	Hồ Đồng Cốc	Xã Đồng Cốc - huyện Lục Ngạn	2,053	511	Cấp nước tưới	
17	Hồ Độc Bấu	Xã Biên Sơn - huyện Lục Ngạn	0,99	324	Cấp nước tưới	
18	Hồ Bàu Lầy	Xã Trù Hựu - huyện Lục Ngạn	2,66	770	Cấp nước tưới	
19	Hồ Khe Sàng	Xã Đèo Gia - huyện Lục Ngạn	1,456	444	Cấp nước tưới	
20	Hồ Hàm Rồng	Xã Nam Dương - huyện Lục Ngạn	1,113	170	Cấp nước tưới	
21	Hồ Khuôn Vó	Xã Tân Lập - huyện Lục Ngạn	1,49	425	Cấp nước tưới	

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ (Triệu m ³)	Nhiệm vụ công trình		
				Ftươi (ha)	Cung cấp nước	Phát điện (MW)
22	Hồ Đồng Man	Xã Biên Động - huyện Lục Ngạn	0,615	140	Cấp nước tưới	
23	Hồ Lòng Thuyền	Xã Tân Mộc - huyện Lục Ngạn	0,575	330	Cấp nước tưới	
24	Hồ Khe Chảo	Xã Long Sơn - huyện Sơn Động	1,287	62,95	Cấp nước tưới	
25	Hồ Khuôn Thảm	Xã Quế Sơn - huyện Sơn Động	0,539	26,01	Cấp nước tưới	
26	Hồ Khe Háng	Xã Vĩnh Khương - huyện Sơn Động	2,24	49,38	Cấp nước tưới	
27	Hồ Khe Áng	Xã Yên Định - huyện Sơn Động	0,3	3,9	Cấp nước tưới	
28	Hồ Lân	Xã Giáo Liêm - huyện Sơn Động	0,3	8,45	Cấp nước tưới	
B	UBND các huyện, Thành phố: 61 hồ					
I	Huyện Yên Thế: 8 hồ					
1	Hồ Bản Càng	Xã Tam Tiến- Huyện Yên Thế	0,4	85	Cấp nước tưới	
2	Hồ Chín Suối	Xã Đồng Hưu- Huyện Yên Thế	0,45	60	Cấp nước tưới	
3	Hồ Đèo Sắt	Xã Đồng Hưu- Huyện Yên Thế	0,45	70	Cấp nước tưới	
4	Hồ Tân Gia	Xã Tân Hiệp- Huyện Yên Thế	0,36	30	Cấp nước tưới	
5	Hồ Cầu Đá	Xã An Thượng- Huyện Yên Thế	0,34	60	Cấp nước tưới	
6	Hồ Thần Phù	Xã Hương Vĩ- Huyện Yên Thế	0,35	45	Cấp nước tưới	
7	Hồ Rừng Tô	Xã Hương Vĩ- Huyện Yên Thế	0,35	51	Cấp nước tưới	
8	Hồ Yên Thượng	Xã Tam Hiệp- Huyện Yên Thế	0,35	25	Cấp nước tưới	
II	Huyện Lục Ngạn: 37 hồ					
1	Hồ Cầu Lậu	Xã Mỹ Sơn - huyện Lục Ngạn	0,40	52	Cấp nước tưới	

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ (Triệu m ³)	Nhiệm vụ công trình		
				Ftưới (ha)	Cung cấp nước	Phát điện (MW)
2	Hồ Suối Nứa	Xã Kiên Lao - huyện Lục Ngạn	0,40	45	Cấp nước tưới	
3	Hồ Ba Chân	Xã Kiên Lao - huyện Lục Ngạn	0,40	51	Cấp nước tưới	
4	Hồ Bóm	Xã Tân Quang - huyện Lục Ngạn	0,40	56	Cấp nước tưới	
5	Hồ Vành Dây	Xã Giáp Sơn - huyện Lục Ngạn	0,40	61	Cấp nước tưới	
6	Hồ Tân Tiến	Xã Trù Hựu - huyện Lục Ngạn	0,40	43	Cấp nước tưới	
7	Hồ Khanh Thông	Xã Trù Hựu - huyện Lục Ngạn	0,40	39	Cấp nước tưới	
8	Hồ An Ninh	Xã Trù Hựu - huyện Lục Ngạn	0,40	47	Cấp nước tưới	
9	Hồ 38	Xã Trù Hựu - huyện Lục Ngạn	0,40	53	Cấp nước tưới	
10	Hồ Khuân Nà	Xã Thanh Hải - huyện Lục Ngạn	0,40	57	Cấp nước tưới	
11	Hồ Khe Sàng	Xã Đèo Gia - huyện Lục Ngạn	0,40	60	Cấp nước tưới	
12	Hồ Thung	Xã Đèo Gia - huyện Lục Ngạn	0,40	46	Cấp nước tưới	
13	Hồ Khe Kim	Xã Đèo Gia - huyện Lục Ngạn	0,40	52	Cấp nước tưới	
14	Hồ Tư Hai	Xã Quý Sơn - huyện Lục Ngạn	0,40	55	Cấp nước tưới	
15	Hồ 40	Xã Quý Sơn - huyện Lục Ngạn	0,40	41	Cấp nước tưới	
16	Hồ Khuôn Chung	Xã Phong Vân - huyện Lục Ngạn	0,45	61	Cấp nước tưới	
17	Hồ Vặt Phú	Xã Tân Hoa - huyện Lục Ngạn	0,30	50	Cấp nước tưới	
18	Hồ Thanh Văn 2	Xã Tân Hoa - huyện Lục Ngạn	0,30	43	Cấp nước tưới	
19	Hồ Phật Trì	Xã Tân Hoa - huyện Lục Ngạn	0,30	45	Cấp nước tưới	
20	Hồ Trại Một	Xã Phượng Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	51	Cấp nước tưới	

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ (Triệu m ³)	Nhiệm vụ công trình		
				Ftưới (ha)	Cung cấp nước	Phát điện (MW)
21	Hồ Cầu Súm	Xã Phượng Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	60	Cấp nước tưới	
22	Hồ Đập Khanh	Xã Phượng Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	47	Cấp nước tưới	
23	Hồ Đập Cầu Đá	Xã Phượng Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	55	Cấp nước tưới	
24	Hồ Hăng	Xã Hồng Giang - huyện Lục Ngạn	0,30	62	Cấp nước tưới	
25	Hồ Quán Ngọt	Xã Hồng Giang - huyện Lục Ngạn	0,30	45	Cấp nước tưới	
26	Hồ Ôi	Xã Nghĩa Hồ - huyện Lục Ngạn	0,30	47	Cấp nước tưới	
27	Hồ Dọc Song	Xã Biên Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	58	Cấp nước tưới	
28	Hồ Mỏ Quạ	Xã Biên Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	45	Cấp nước tưới	
29	Hồ Khuân Riêng	Xã Cẩm Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	56	Cấp nước tưới	
30	Hồ Cáp	Xã Mỹ Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	39	Cấp nước tưới	
31	Hồ Thôn Họ	Xã Kiên Lao - huyện Lục Ngạn	0,30	57	Cấp nước tưới	
32	Hồ Chảo Mới	Xã Giáp Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	51	Cấp nước tưới	
33	Hồ Bèo	Xã Giáp Sơn - huyện Lục Ngạn	0,30	48	Cấp nước tưới	
34	Hồ Đồi Đỏ	Xã Thanh Hải - huyện Lục Ngạn	0,30	61	Cấp nước tưới	
35	Hồ Kim Thạch	Xã Thanh Hải - huyện Lục Ngạn	0,30	56	Cấp nước tưới	
36	Hồ Quế	Xã Thanh Hải - huyện Lục Ngạn	0,30	54	Cấp nước tưới	
37	Hồ Khả Lã	Xã Tân Lập - huyện Lục Ngạn	0,30	56	Cấp nước tưới	
III	Huyện Sơn Động: 16 hồ					
1	Hồ Khe Khoang	Xã Hữu Sản - huyện Sơn Động	0,450	49	Cấp nước tưới	

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ (Triệu m ³)	Nhiệm vụ công trình		
				Ftưới (ha)	Cung cấp nước	Phát điện (MW)
2	Hồ Thung	Xã Vân Sơn - huyện Sơn Động	0,460	47	Cấp nước tưới	
3	Hồ Thùm	Xã Tuấn Đạo - huyện Sơn Động	0,400	42	Cấp nước tưới	
4	Hồ Mìn	Xã Quế Sơn - huyện Sơn Động	0,400	50	Cấp nước tưới	
5	Hồ Khe Vín	Xã Hữu Sản - huyện Sơn Động	0,350	37	Cấp nước tưới	
6	Hồ Thâm Tặc	Xã Hữu Sản - huyện Sơn Động	0,360	39	Cấp nước tưới	
7	Hồ Nà Trắng	Xã An Lạc - huyện Sơn Động	0,360	25	Cấp nước tưới	
8	Hồ Khe Liêng	Xã An Lạc - huyện Sơn Động	0,360	34	Cấp nước tưới	
9	Hồ Đồng Bầy	Xã An Lạc - huyện Sơn Động	0,360	41	Cấp nước tưới	
10	Hồ Cò Liu	Xã An Lạc - huyện Sơn Động	0,370	36	Cấp nước tưới	
11	Hồ Đồng Bài	Xã An Lạc - huyện Sơn Động	0,365	41	Cấp nước tưới	
12	Hồ Đồng Dương	Xã An Lạc - huyện Sơn Động	0,360	39	Cấp nước tưới	
13	Hồ Thôn Nghèo	Xã Tuấn Đạo - huyện Sơn Động	0,300	42	Cấp nước tưới	
14	Hồ Ao Sen	Xã An Bá - huyện Sơn Động	0,350	37	Cấp nước tưới	
15	Hồ Thông Tin	Xã Chiên Sơn - huyện Sơn Động	0,350	45	Cấp nước tưới	
16	Hồ Khuôn Réo	Xã Giáo Liêm - huyện Sơn Động	0,350	35	Cấp nước tưới	
Tổng cộng (A+B): 100 hồ						

Phụ lục II**DANH MỤC HỒ CÓ DUNG TÍCH CHỨA TỪ 300.000 m³ TRỞ LÊN
CÁM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THEO QUY MÔ CÔNG NGHIỆP VÀ
CÁC HOẠT ĐỘNG GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm (xã - huyện)	Dung tích hồ (Triệu m ³)	Nhiệm vụ công trình		
				Ftưới (ha)	Cung cấp nước	Phát điện (MW)
1	2	3	4	5	6	7
I	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương:					
1	Hồ Cẩm Sơn	Huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn	249,75	24100	Cấp nước tưới, nước sinh hoạt, phát điện	4.500
2	Hồ Suối Mỡ	Xã Nghĩa Phương - Lục Nam	2,242	540	Cấp nước tưới và cấp nước du lịch	
3	Hồ Khe Đặng	Xã Vĩnh Khương - huyện Sơn Động	1,354	63.55	Cấp nước tưới và cấp nước sinh hoạt	
Tổng cộng: 03 hồ						